

Sử dụng thông tin trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong đánh giá khả năng sinh lợi của doanh nghiệp niêm yết trên HOSE

 TS. Nguyễn Thanh Hiếu*

Nhận: 05/4/2020

Biên tập: 12/4/2020

Duyệt đăng: 22/4/2020

Bài viết này sử dụng thông tin dòng tiền thu vào và thông tin dòng tiền chi ra cho các hoạt động được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) để xem xét ảnh hưởng của những thông tin này tới khả năng sinh lợi (ROA, ROE). Kết quả nghiên cứu cho thấy, lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền chi ra cho hoạt động tài chính có ảnh hưởng tới ROA và ROE của khoảng 70% các ngành nghề kinh doanh, dòng tiền từ hoạt động đầu tư ảnh hưởng tới ROA, ROE của khoảng 30% các ngành nghề kinh doanh. Đồng thời, các ảnh hưởng này đều là ảnh hưởng cùng chiều.

Từ khóa: dòng tiền, đầu tư, kinh doanh, lợi nhuận, ngành nghề.

Nghề kế toán đòi hỏi kế toán viên tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp nên nhà trường cần đưa nội dung này vào đào tạo. Nếu như chưa thể xây dựng thành một môn học trong chương trình đào tạo như ở một số trường đại học nước ngoài thì ít nhất đạo đức nghề nghiệp phải là một chương trong môn học về kế toán hay kiểm toán. Bên cạnh đó, nhà trường cần bổ sung nội dung này trong các chương trình ngoại khóa cho sinh viên chuyên ngành kế toán. Kế toán viên chuyên nghiệp, các kế toán viên làm việc trong các DN lớn áp dụng IFRS thì yêu cầu về kỹ năng tiếng Anh và Tin học cũng cao. Do vậy, đồng thời với việc đào tạo kiến thức chuyên môn nghề nghiệp theo IFRS thì nhà trường cần nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh và Tin học. Có thể đưa vào chương trình đào tạo một số môn chuyên ngành tự chọn giảng dạy bằng tiếng Anh. ■

Tài liệu tham khảo

- [1] Sandy R. Hilton and Nathalie Johnstone (2013) *The IFRS Transition and Accounting Education: A Canadian Perspective Post-Transition*
- [2] Stephanie Wehrung (2011) *The Effect of IFRS Convergence on Coastal Carolina University Accounting Major Students.*
- [3] Miller, William and D'Arcy Becker (2010) *Why are Accounting Professors Hesitant to Implement IFRS?*
- [4] Kroll, Karen (2009) *Is it U.S. GAAP or IFRS At U.S. Universities.*
- [5] Gornik-Tomaszewski, Sylwia, and Steve Showerman (2010) *IFRS in the United States: Challenges and Opportunities*
- [6] R K Larson and D.L.Street (2011) *IFRS Teaching Resources: Available and Rapidly Growing.*
- [7] Nguyễn Hữu Ánh (2017) *Đôi mắt đào tạo cử nhân ngành kế toán của các trường đại học khối kinh tế ở Việt Nam theo chuẩn quốc tế*
- [8] Bộ Tài chính (2017) *Đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế vào Việt Nam*
- [9] Nguyễn Công Phương (2017) *Thách thức và giải pháp trong đào tạo kế toán tại Việt Nam áp dụng IFRS.*

1. Giới thiệu

Dòng tiền đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với doanh nghiệp (DN), được ví như dòng máu trong cơ thể con người. Các DN khi có tiền sẽ mua máy móc thiết bị hiện đại, mở rộng quy mô, nhà máy và sản xuất sản phẩm chất lượng tốt, đẩy nhanh tiến độ và thu lợi nhuận cao. Khi DN thiếu tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn, DN đi tới mất khả năng thanh toán và phá sản. Chính vì lẽ đó, chế độ kế toán DN yêu cầu trong hệ thống báo cáo tài chính, DN phải trình bày báo cáo lưu chuyển tiền tệ bên cạnh bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh. Ba báo cáo này hợp thành một bộ báo cáo tài chính để phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của DN.

Mặc dù về lý thuyết, tầm quan trọng của báo cáo lưu chuyển tiền tệ

đã được đề cập rất nhiều, nhưng vẫn cần các nghiên cứu thực nghiệm để cung cấp các minh chứng về vai trò thực sự của thông tin trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Điều này đã thu hút được đông đảo các nhà nghiên cứu. Các nghiên cứu chủ yếu xoay quanh hướng sử dụng thông tin kế toán để dự báo dòng tiền tương lai (Nguyễn Thanh Hiếu, 2016), hoàn thiện nội dung và phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, ... Các nghiên cứu về ảnh hưởng của dòng tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ tới khả năng sinh lợi của DN mới xuất hiện trong những năm gần đây, nhưng các tác giả nghiên cứu chưa thống nhất được chiều tác động là cùng chiều hay ngược chiều. Đồng thời, các nghiên cứu mới chỉ bàn tới một loại hình DN cụ thể, mà chưa có một nghiên cứu mang tính tổng hợp cho nhiều ngành trong nền kinh tế. Do vậy, nghiên cứu này đã tiến

* **Viện Kế toán - Kiểm toán, Trường ĐH Kinh tế Quốc Dân**

hành khảo sát tác động của các thành phần dòng tiền được trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ tới khả năng sinh lợi của cả 6 nhóm DN đang niêm yết trên HOSE.

2. Tổng quan nghiên cứu

Cho tới nay, Hội đồng Chuẩn mực Kế toán quốc tế và Hội đồng Chuẩn mực Kế toán của các quốc gia đều đã ban hành Chuẩn mực Kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

Theo Chuẩn mực Kế toán quốc tế (IAS 7), dòng tiền từ hoạt động kinh doanh bao gồm: Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ; tiền thu từ bán quyền, hoa hồng được hưởng và các khoản doanh thu khác; tiền chi cho nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ; tiền chi trả cho người lao động và trả thay các khoản cho người lao động; tiền nộp cho các cơ quan bảo hiểm và thu tiền bồi thường; tiền lãi được hưởng từ bảo hiểm; tiền nộp thuế thu nhập DN và tiền thuế thu nhập DN được hoàn (nếu những khoản này không được xếp vào hoạt động tài chính hay hoạt động đầu tư); các khoản thu và chi cho các hoạt động mua bán thương mại,...

Điều đáng lưu ý là phương pháp trình bày các khoản lãi tiền vay và cổ tức được nhận hoặc đã trả theo quy định tại IAS 7, có điểm khác biệt so với các chuẩn mực quốc gia khác như Hoa Kỳ hay Việt Nam.

Theo IAS 7, các khoản lãi tiền vay và cổ tức được nhận hoặc đã trả được phân loại vào dòng tiền của hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính nhưng phải nhất quán. Đối với các tổ chức tài chính thì khoản thu về lãi cho vay và cổ tức và khoản chi trả lãi vay được tính vào dòng tiền hoạt động kinh doanh. Đối với các DN phi tài chính thì có thể lựa chọn cách báo cáo dòng tiền: các khoản chi tiền lãi và cổ tức có thể báo cáo ở dòng tiền từ hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động tài chính, còn các khoản thu tiền lãi vay và cổ tức có

thể báo cáo ở dòng tiền hoạt động đầu tư hoặc hoạt động kinh doanh.

Ngoài ra, IAS 7 nhấn mạnh, tiền chi để xây dựng, mua sắm các tài sản nhằm giữ nhằm mục đích cho thuê và để bán được đề cập tại đoạn 68A của IAS 16 "Nhà cửa, máy móc và thiết bị" và tiền thu từ cho thuê và thu từ bán các tài sản trên cũng được tính vào dòng tiền hoạt động kinh doanh. Tương tự, đối với các tổ chức tín dụng thì tiền lãi thu được từ các khoản cho vay được tính vào hoạt động kinh doanh, bởi đây là nguồn tạo ra doanh thu chủ yếu của các tổ chức tín dụng. Đặc biệt, trong một nghiệp vụ có thể liên quan đến dòng tiền của cả hoạt động kinh doanh và dòng tiền của hoạt động tài chính, khoản trả gốc vay được tính vào tiền chi cho hoạt động tài chính và khoản trả lãi vay được tính vào hoạt động kinh doanh.

Tại Hoa Kỳ, Hội đồng Chuẩn mực Kế toán tài chính Hoa Kỳ (FASB) quy định về trình bày các khoản lãi vay được nhận, cổ tức được nhận và lãi vay đã chi trả vào dòng tiền hoạt động kinh doanh.

Tại Việt Nam, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 24 (VAS 24) về Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quy định: luồng tiền phát sinh từ hoạt động kinh doanh là luồng tiền có liên quan đến các hoạt động tạo ra doanh thu chủ yếu của DN. Luồng tiền phát sinh từ hoạt động kinh doanh cung cấp thông tin cơ bản để đánh giá khả năng tạo tiền của DN từ các hoạt động kinh doanh để trang trải các khoản nợ, duy trì các hoạt động, trả cổ tức và tiến hành các hoạt động đầu tư mới mà không cần đến các nguồn tài chính bên ngoài. Theo phương pháp trực tiếp: dòng tiền từ hoạt động kinh doanh được xác định trực tiếp từ các khoản thu và chi cho hoạt động kinh doanh gồm: tiền thu được từ việc bán hàng, cung cấp dịch vụ; tiền thu được từ doanh thu khác (tiền thu bán quyền, phí, hoa hồng và các

khoản khác, trừ các khoản tiền thu được xác định là luồng tiền từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính); tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ; tiền chi trả cho người lao động về tiền lương, tiền thưởng, trả hộ người lao động về bảo hiểm, trợ cấp...; tiền chi trả lãi vay; tiền chi nộp thuế thu nhập DN; tiền thu do được hoàn thuế; tiền thu do được bồi thường, được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng kinh tế; tiền chi trả công ty bảo hiểm về phí bảo hiểm, tiền bồi thường và các khoản tiền khác theo hợp đồng bảo hiểm; tiền chi trả do bị phạt, bị bồi thường do DN vi phạm hợp đồng kinh tế. Các luồng tiền liên quan đến mua, bán chứng khoán vì mục đích thương mại được phân loại là các luồng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Như vậy, so với quy định của IAS 7 và Chuẩn mực Kế toán tài chính Hoa Kỳ, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam chỉ nhất quán ở phần trình bày khoản chi tiền lãi vay vào dòng tiền hoạt động kinh doanh. Đối với khoản thu chi liên quan tới cổ tức, khoản thu tiền lãi cho vay được hưởng thì quy định trình bày dù có điểm khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Hoa Kỳ nhưng vẫn thuộc phạm vi cho phép tại IAS 7. Cụ thể, khoản chi lãi cổ tức được trình bày ở dòng tiền hoạt động tài chính, khoản thu lãi cho vay và thu lãi cổ tức được trình bày ở dòng tiền từ hoạt động đầu tư.

Hamza (2014) nghiên cứu thông tin của báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, đầu tư, tài chính và kết hợp dòng tiền từ các hoạt động. Tác giả đã chia các công ty bảo hiểm trong mẫu thành các công ty bảo hiểm quốc tế; các công ty bảo hiểm quốc gia, công ty bảo hiểm Hoa Kỳ và công ty bảo hiểm Aquila. Kết quả nghiên cứu cho thấy, ảnh hưởng của dòng tiền đối với từng loại công ty là khác nhau.

Đối với nhóm 1, tác giả đã tìm thấy một tác động tích cực giữa dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư tới thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS), nhưng không tìm thấy mối quan hệ đáng kể giữa dòng tiền từ hoạt động tài chính và dòng tiền kết hợp tới EPS.

Đối với nhóm 2, dòng tiền từ hoạt động tài chính có ảnh hưởng ngược chiều đến EPS và không có ảnh hưởng đến dòng tiền từ các hoạt động khác.

Đối với nhóm 3, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh có tác động cùng chiều với EPS trong khi dòng tiền từ hoạt động tài chính có tác động ngược chiều với EPS, dòng tiền từ hoạt động đầu tư và dòng tiền kết hợp không có quan hệ tới EPS.

Đối với nhóm 4, dòng tiền từ hoạt động đầu tư có ảnh hưởng ngược chiều đến EPS, trong khi dòng tiền từ các hoạt động khác không có ảnh hưởng đến EPS.

Frank & James (2014) đã nghiên cứu mối quan hệ giữa dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính tới lợi nhuận trên tổng tài sản (ROTA). Dữ liệu được lấy từ báo cáo tài chính năm của 6 công ty thực phẩm và đồ uống được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Nigeria, giai đoạn 2007 - 2011. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có tồn tại một mối quan hệ ngược chiều giữa dòng tiền từ hoạt động đầu tư và ROTA nhưng mối quan hệ giữa dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và dòng tiền từ hoạt động tài chính với ROTA là cùng chiều.

Nwakaego & cộng sự (2015) xem xét ảnh hưởng của dòng tiền đến hiệu quả hoạt động của 6 công ty trong ngành thực phẩm và đồ uống của Nigeria. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, thông tin dòng tiền cũng là thông tin giúp các nhà đầu tư ra quyết định hợp lý và dòng tiền từ hoạt động đầu tư có mối

Bảng 1: Thống kê các ngành phân tích

Ngành	Số lượng DN	Tỷ trọng (%)
Công nghiệp	104	35.99
Dược phẩm và y tế	14	4.84
Dịch vụ tiêu dùng	26	9.00
Hàng tiêu dùng	64	22.15
Nguyên vật liệu	53	18.34
Tiền ích cộng đồng	28	9.69
Tổng cộng	276	100%

Bảng 2: Kết quả hồi quy mô hình ROA

ROA	Công nghiệp	Dược phẩm y tế	Dịch vụ tiêu dùng	Hàng tiêu dùng	Nguyên vật liệu	Tiền ích cộng đồng
HDKD	0.0216	0.313**	0.0330	0.0373	0.160***	0.186***
HDDTin	0.0146	0.285**	0.0441	0.0790	0.0865*	0.0439
HDDTout	-0.0196	0.267***	0.0295	0.0765*	0.0523	0.0395
HDTCin	0.0489**	0.436***	0.0227	0.0582	0.155***	0.0322**
HDTCout	0.0618**	0.465***	0.0357*	0.0588	0.154***	0.0494***
LEV	-0.126***	-0.0144	-0.245***	-0.256***	-0.116***	-0.120***
SIZE	-0.000781	0.00311	0.000778	-0.00943	-0.0209**	-0.0136**
Constant	0.126	0.00955	0.153	0.432	0.669**	0.492***
Observations	952	133	203	590	469	244
Number of i	104	14	25	63	53	28

Ghi chú: *** $p < 0.01$, ** $p < 0.05$, * $p < 0.1$

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả

quan hệ ngược chiều với hiệu quả hoạt động của công ty.

Nghiên cứu của Alslehat, N., Nimer, (2017) về tác động của dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính cho các công ty ngành bảo hiểm niêm yết trên thị trường chứng khoán Jordan. Mẫu nghiên cứu của họ gồm 23 công ty bảo hiểm, niêm yết từ năm 2009 - 2013. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh có ảnh hưởng tích cực tới ROA của các công ty bảo hiểm. Trong khi đó, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư có ảnh hưởng ngược chiều với ROA. Trái lại, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính không có ảnh hưởng tới ROA.

Soet, Muturi và Oluoch (2018) đã xem xét ảnh hưởng của dòng tiền từ hoạt động tài chính và hiệu quả tài chính của các quỹ tương hỗ ở Kenya. Mẫu bao gồm 22 quỹ tương hỗ ở Kenya, trong giai đoạn 2011 -

2016. Kết quả chỉ ra rằng, dòng tiền từ hoạt động tài chính có tác động đáng kể và ngược chiều đến lợi nhuận trên tài sản (ROA) và lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE). Độ chính xác của mô hình ROA là 54,4%, của mô hình ROE là 58%.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Dữ liệu nghiên cứu (bảng 1)

3.2. Mô hình nghiên cứu

Mô hình ROA:

$$ROA_{i,t} = \alpha_0 + \alpha_1HDKD_{i,t} + \alpha_2HDDTin_{i,t} + \alpha_3HDTCin_{i,t} + \alpha_4HDDTout_{i,t} + \alpha_5HDTCout_{i,t} + \alpha_6LEV + \alpha_7SIZE + \varepsilon_{i,t} \quad (1)$$

Mô hình ROE:

$$ROE_{i,t} = \beta_0 + \beta_1HDKD_{i,t} + \beta_2HDDTin_{i,t} + \beta_3HDTCin_{i,t} + \beta_4HDDTout_{i,t} + \beta_5HDTCout_{i,t} + \beta_6LEV + \beta_7SIZE + \varepsilon_{i,t} \quad (2)$$

Trong đó:

ROA: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản

ROE: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng vốn chủ sở hữu

HDKD: Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh

HDDTin: Tiền thu vào từ hoạt động đầu tư

HDDTout: Tiền chi ra cho hoạt động đầu tư

HDTTin: Tiền thu vào từ hoạt động tài chính

HDT Cout: Tiền chi ra cho hoạt động tài chính

4. Kết quả phân tích thực nghiệm

4.1 Kết quả phân tích mô hình ROA

Kết quả ở Bảng 2, trang 25 chỉ ra rằng:

Đối với ngành công nghiệp, dòng tiền thu vào và dòng tiền chi ra cho hoạt động tài chính có ảnh hưởng cùng chiều tới ROA. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và dòng tiền từ hoạt động đầu tư không có ảnh hưởng tới ROA.

Đối với ngành được phẩm và y tế, tác động của tất cả các thành phần dòng tiền (HDKD, HDDTin, HDDTout, HDTTin, HDT Cout) đều có ảnh hưởng tích cực tới ROA.

Đối với ngành dịch vụ tiêu dùng, chỉ có HDT Cout có ảnh hưởng cùng chiều tới ROA. Các thành phần dòng tiền khác không có ảnh hưởng tới ROA của ngành này.

Đối với ngành hàng tiêu dùng, chỉ có HDDTout có ảnh hưởng cùng chiều tới ROA. Các thành phần dòng tiền khác không có ảnh hưởng tới ROA của ngành này.

Đối với ngành nguyên vật liệu, tất cả các thành phần của dòng tiền (trừ thành phần HDDTout) có ảnh hưởng cùng chiều tới ROA của ngành này. Ngoài ra, tỷ lệ vay và quy mô công ty có ảnh hưởng ngược chiều tới ROA của ngành này.

Đối với ngành tiện ích công cộng, chỉ có dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (HDKD) và dòng tiền từ hoạt động tài chính (HDTTin, HDT Cout) có tác động cùng chiều với ROA của ngành này. Dòng tiền từ hoạt động đầu tư (HDTin và HDDTout) không có ảnh hưởng tới ROA của ngành này. Ngoài ra, tỷ lệ vay và quy mô công ty có ảnh hưởng ngược chiều tới ROA của ngành này.

Bảng 3: Kết quả hồi quy mô hình ROE

ROE	Công nghiệp	Được phẩm y tế	Dịch vụ tiêu dùng	Hàng tiêu dùng	Nguyên vật liệu	Tiện ích công cộng
HDKD	0.0760**	0.414	-0.0548	0.0368	0.226***	0.296***
HDDTin	0.0574	0.302	0.143	0.120	0.157*	0.0917
HDDTout	-0.00810	0.245	0.122	0.120	0.113	0.0649
HDTTin	0.186***	0.481	-0.236	0.0996	0.292***	0.00971
HDT Cout	0.196***	0.570	-0.202	0.102	0.308***	0.0425
LEV	-0.156***	0.218	-0.280	-0.380***	-0.0611	-0.00808
SIZE	-0.00785	-0.0376	0.00725	-0.0100	-0.0537*	-0.0243
Constant	0.397	1.175	0.100	0.573	1.631**	0.823*
Observations	952	133	203	590	469	244
Number of i	104	14	25	63	53	28

Ghi chú: *** $p < 0.01$, ** $p < 0.05$, * $p < 0.1$
 Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả

Bảng 4: Tổng hợp kết quả nghiên cứu

	Công nghiệp	Được phẩm y tế	Dịch vụ tiêu dùng	Hàng tiêu dùng	Nguyên vật liệu	Tiện ích công cộng
HDKD	ROE	ROA			ROA, ROE	ROA, ROE
HDDTin		ROA			ROA, ROE	
HDDTout		ROA		ROA		
HDTTin	ROA, ROE	ROA			ROA, ROE	ROA
HDT Cout	ROA, ROE	ROA	ROA		ROA, ROE	ROA

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Đối với ngành hàng tiêu dùng, các thành phần của dòng tiền không có ảnh hưởng đáng kể tới ROE của ngành này.

4.2 Kết quả phân tích mô hình ROE

Kết quả ở Bảng 3 chỉ ra rằng:

Đối với ngành công nghiệp, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và dòng tiền từ hoạt động tài chính (HDTTin, HDT Cout) có ảnh hưởng cùng chiều tới ROE. Dòng tiền từ hoạt động đầu tư (HDDTin, HDDTout) không có ảnh hưởng tới ROE của ngành này.

Đối với ngành được phẩm và y tế, các thành phần của dòng tiền không có ảnh hưởng đáng kể tới ROE của ngành này.

Đối với ngành dịch vụ tiêu dùng, các thành phần của dòng tiền không có ảnh hưởng đáng kể tới ROE của ngành này.

Đối với ngành hàng tiêu dùng, tất cả các thành phần của dòng tiền (trừ thành phần HDDTout) có ảnh hưởng cùng chiều tới ROE của ngành này. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng quy mô công ty có ảnh hưởng ngược chiều tới ROA của ngành này.

Đối với ngành nguyên vật liệu, tất cả các thành phần của dòng tiền (trừ thành phần HDDTout) có ảnh hưởng cùng chiều tới ROE của ngành này. Ngoài ra, tỷ lệ vay và quy mô công ty có ảnh hưởng ngược chiều tới ROA của ngành này.

Đối với ngành tiện ích công cộng, chỉ có dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh (HDKD) có tác động cùng chiều với ROE của ngành này. Các thành phần dòng tiền khác không có ảnh hưởng tới ROE của ngành này. Đồng thời, không tìm thấy một mối quan hệ có ý nghĩa nào giữa tỷ lệ vay và quy mô công ty tới ROE của ngành này.

(Xem tiếp trang 33)

nước. Những người được hỏi cho rằng, việc đào tạo nội bộ trong doanh nghiệp vô phát triển bền vững nhằm tạo ra sự hiểu biết cần thiết của nhân viên trong doanh nghiệp là vô cùng cần thiết. Họ cũng khẳng định hội đồng quản trị của công ty cần được giáo dục tốt về trách nhiệm môi trường và xã hội để có những tác động cần thiết vì mọi quyết định đều được họ đưa ra.

3. Kết luận

Qua tổng quan nghiên cứu những nội dung liên quan đến rào cản áp dụng kế toán quản trị trong DNNVV tại các quốc gia trên thế giới, có thể kể đến 6 yếu tố chính cản trở sự phát triển của kế toán quản trị môi trường, đó là: kiến thức và thái độ của chủ sở hữu, quy định ràng buộc, dịch vụ hỗ trợ, nguồn

lực, áp lực từ các bên liên quan và giáo dục chính quy trong các trường đại học. Nhận thức được những khó khăn trong việc áp dụng kế toán quản trị môi trường sẽ giúp cơ quan quản lý, nhà quản trị và các bên liên quan có cái nhìn tổng quát hơn về những chi phí và rủi ro tiềm tàng mà doanh nghiệp có thể gặp phải. Từ đó, đề xuất những biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ những vướng mắc, giúp doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng áp dụng kế toán quản trị môi trường, nhận được những lợi ích mà công cụ kế toán quản trị này mang lại. ■

Tài liệu tham khảo

Battisti, M. and Perry, M. 2011 *Walking the talk? Environmental responsibility from the*

perspective of small-business owners. Corporate Social Responsibility and Environmental Management. 18 (3), 172-185

Christmann, P. 2000. *Effects of 'best practices' of environmental management on cost*

advantage The role of complementary assets Academy of Management Journal. 43 (4), 663-680

Jabbour, C. J. C. and Puppim-de-Oliveira, J. A. 2012 *Barriers to environmental management*

in clusters of small businesses in Brazil and Japan: from a lack of knowledge to a decline in traditional knowledge International Journal of Sustainable Development and World Ecology. 19 (3), 247-257

Jo, H., Kim, H., and Park, K., 2014 *Corporate environmental responsibility and firm performance in the financial services sector. Journal of Business Ethics. 131 (2), 257-284...*

(Tiếp theo trang 26)

5. Thảo luận kết quả nghiên cứu và các ý kiến đề xuất

Tổng hợp kết quả thực nghiệm về ảnh hưởng của các thành phần dòng tiền tới ROA và ROE của 6 ngành kinh tế chủ yếu được thể hiện ở Bảng 4 dưới đây.

Theo kết quả ở Bảng 4 ở trên, rút ra một số nhận xét như sau:

Thứ nhất, các thành phần dòng tiền đều ảnh hưởng tới ROA, ROE cùng chiều hoặc không có ảnh hưởng, không có sự tác động ngược chiều. Do đó, các công ty càng có nhiều tiền càng có lợi thế kinh doanh.

Thứ hai, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư ảnh hưởng tới hầu hết các loại hình DN (trừ 2 ngành hàng tiêu dùng và dịch vụ tiêu dùng). Như vậy, có 4/6 ngành bị ảnh hưởng, chiếm gần 70%.

Thứ ba, tiền thu từ hoạt động đầu tư ít ảnh hưởng tới ROA, ROE. Chỉ có một số loại DN chịu ảnh hưởng đó là: dược phẩm và nguyên vật liệu. Như vậy, có 2/6 ngành bị ảnh hưởng, chiếm trên 30%.

Thứ tư, tiền chi ra cho hoạt động đầu tư ít ảnh hưởng tới ROA và không ảnh hưởng tới ROE. Chỉ có 2/6 ngành tìm ra ảnh hưởng của HDDTout và ROA (chiếm trên 30%)

Thứ năm, tiền thu vào từ hoạt động tài chính có ảnh hưởng tới ROA và ROE của 4/6 ngành, như vậy chiếm gần 70%.

Thứ sáu, tiền chi ra cho hoạt động tài chính có ảnh hưởng tới ROA và ROE của 5/6 ngành, như vậy chiếm trên 80%.

Kết luận

Các thành phần dòng tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ có quan hệ cùng chiều với hiệu quả hoạt động kinh doanh của các công ty. Đặc biệt, lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh và tiền chi ra cho hoạt động tài chính có ảnh hưởng tích cực với hầu hết các DN. Kết quả nghiên cứu này rất hữu ích cho các nhà đầu tư trong việc đánh giá tình hình hoạt động của DN để đưa ra quyết định đầu tư hợp lý. Các cơ quan quản lý nhà nước có thể sử dụng kết quả nghiên cứu này, để từ đó tăng cường ban hành các quy

định chặt chẽ trong việc lập và trình bày báo cáo lưu chuyển tiền tệ ở Việt Nam. ■

Tài liệu tham khảo

1 Nguyễn Thanh Hiếu (2016). *'Đu bù' dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của các công ty phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam"*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Alslehat, N., Nimer, M.A.I (2017). *'Empirical Study of the relationship between Cash Flow Management and Financial Performance of the Jordanian Insurance Companies'*. *International Business Management, 11(3), 776 - 782*

3. Nwakaego, D.A. Ikechukwu, O. & Ifunanya, L.C. (2015). *'Effect of Cash Flow Statement on Company's Performance of Food and Beverages Companies in Nigeria'*. *World Applied Science Journal. 33(12), 1852-1857*

4 Soet, M A., Muturi, W & Oluoch, O (2018). *Effect of financing cash flow management on financial performance of mutual funds in Kenya European Journal of Business, Economics and Accountancy. 4(6), 7-16*

5. Hamza, M (2014). *The relationship between informational content of cash flows statement and stock returns: from accounting perspective of IAS (7) (an empirical study) European journal of accounting auditing and finance research. 2(10), 67-84*